

Bản án số: 542/2021/HNGĐ-ST.
Ngày 26 tháng 5 năm 2021
“V/v Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Trung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.
2. Bà Trần Thị Lợi.

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Tấn Đài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 185/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị Thu T**, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông **Lường Văn T1**, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 44A Đường số x, ấp M, xã N, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Thu T trình bày: Bà và ông Lường Văn T1 tự nguyện sống chung vào năm 2009, cả hai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/8/2009. Sau khi cưới, cả hai chung sống nhiều nơi, nơi cư trú chung cuối cùng là ấp M, xã N, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, cả hai thường cãi vã, ông T1 không quan tâm, chăm sóc vợ con, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Bà yêu cầu được ly hôn với ông T1 để giải thoát cho nhau.

Về con chung: 02 con chung tên Lường Hoàng Tú Nh sinh ngày 08/11/2010 và Lường Hoàng Trí D sinh ngày 21/12/2016. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ D, giao trẻ Nh cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng và cũng không yêu cầu cấp ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Thu T yêu cầu ly hôn với ông Lường Văn T1 nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án này là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét ông T1 có nơi cư trú tại địa chỉ ấp M, xã N, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét ông T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử vắng mặt ông T1 là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của bà T ly hôn với ông T1 vì cả hai thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là bất đồng quan điểm sống, ông T1 không quan tâm chăm sóc vợ con, cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 153 đăng ký ngày 10/8/2009.

Xét ông T1 đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T1 không đến Tòa án để trình bày nguyện vọng, ý kiến của mình, chứng tỏ ông T1 không quan tâm đến việc bà T làm đơn yêu cầu ly hôn và không có giải pháp nào để hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét bà T khai có 02 con chung tên Lường Hoàng Tú Nh sinh ngày 08/11/2010 và Lường Hoàng Trí D sinh ngày 21/12/2016. Bà T yêu cầu được nuôi 01 con chung tên Lường Hoàng Trí D, còn 01 con chung tên Lường Hoàng Tú Nh thì giao cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Xét bà T là người đang trực tiếp nuôi trẻ D và căn cứ lời khai của trẻ Nh có nguyện vọng sống cùng với ba nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nh cho ông T1 và giao con chung tên D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con, và bà T không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy bà T và ông T1 mỗi người nuôi 01 con chung nên yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con của bà T là phù hợp, được chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Do Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn nên bà T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều: 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Thị Thu T. Bà T được ly hôn với ông Lường Văn T1.

Giấy chứng nhận kết hôn 153, đăng ký ngày 10/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Lường Hoàng Tú Nh sinh ngày 08/11/2010 và Lường Hoàng Trí D sinh ngày 21/12/2016. Bà T được trực tiếp nuôi trẻ Lường Hoàng Trí D, ông T1 được quyền trực tiếp nuôi trẻ Lường Hoàng Tú Nh.

Bà T, ông T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T, ông T1 được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà T chịu, được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0085489 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi ngày 12 tháng 01 năm 2021. Bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã H, h. K, Tp. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Duy Trung